TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày 31/3/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Nam Lê Thiện;

Bà Châu Hồng Nga.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2021/TLST- DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: 266 – 268 N, phường V, Quận 3, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1984; chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/5/2021). Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Võ Trọng L, sinh năm 1969; thường trú: 1539/13B khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; thường trú: 17A/2 khu phố B 1, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 5 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là anh Nguyễn Quốc D trình bày:

Ngày 11/02/2019, Ngân hàng TMCP S (S) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Võ Trọng L, bà Nguyễn Thị H ký kết "Hợp đồng tín dụng số LD1904200057". Theo đó Ngân hàng đồng ý cho ông Võ Trọng L, bà Nguyễn Thị H vay số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 12%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu tiên, kể từ tháng 13 trở đi thì lãi suất toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất: Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của bên cấp tín dụng cộng (+) biên độ 5,5%/năm, và được S quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Mục đích vay để mua xe ô tô, thời hạn vay 120 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân. Phương thức thanh toán: Trả góp theo dư nợ giảm dần hàng tháng căn cứ lịch trả nợ.

Ngày 11/02/2020, Ngân hàng TMCP S và ông Võ Trọng L, bà Nguyễn Thị H tiếp tục ký kết "Hợp đồng tín dụng số LD2004200209". Theo đó Ngân hàng đồng ý cho ông Võ Trọng L, bà Nguyễn Thị H vay số tiền 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 12,5%/năm áp dụng cho 06 tháng đầu tiên, kể từ tháng 7 trở đi thì lãi suất toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất: Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của bên cấp tín dụng cộng (+) biên độ 5,5%/năm, và được S quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Mục đích vay để mua xe tải tự đổ, thời hạn vay 120 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân. Phương thức thanh toán: Trả góp theo dư nợ giảm dần hàng tháng căn cứ lịch trả nợ.

Để bảo đảm cho hai khoản vay trên, ông Võ Trọng L, bà Nguyễn Thị H đã thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 2,542.9m^2 (gồm 322.7m^2 đất ODT và 2,220.2m^2 đất CLN) thuộc thửa 1874, tờ bản đồ số 4TDH tọa lạc khu phố Đ, phường T, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh B và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà có diện tích xây dựng 322.7m^2 thuộc quyền sử dụng của ông Võ Trọng L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4256/TC ngày 28/02/2019 được công chứng tại Phòng công chứng D, tỉnh B, số công chứng 896 vào quyển số 02 - TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh B ngày 28/02/2019, vào sổ tiếp nhận hồ sơ quyển số 1, số thứ tự 1513.

Đối với "Hợp đồng tín dụng số LD1904200057" thì Ngân hàng đã giải ngân cho ông Võ Trọng L, bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền vay theo giấy nhận nợ ngày 01/3/2019 và "Hợp đồng tín dụng số LD2004200209" Ngân hàng đã giải ngân cho ông L, bà H toàn bộ số tiền vay theo giấy nhận nợ ngày 12/02/2020.

Sau khi ký các hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông L, bà H vẫn thực hiện việc thanh toán tiền nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận cho đến ngày 29/4/2021 ngưng không thanh toán nữa. Tính đến thời điểm ngày 28/3/2022, ông L và bà H còn nợ số tiền 2.559.025.091 đ (hai tỷ năm trăm năm mươi chín triệu không trăm hai mươi lăm nghìn không trăm chín mươi mốt đồng) gồm: Nợ gốc: 2.536.647.000 đồng; lãi trong hạn: 22.378.091 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông L và bà H thực hiện việc trả nợ nhưng ông L và bà H cố tình dây dưa không trả. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 28/3/2022 là 2.559.025.091 đồng, gồm: Nợ gốc: 2.536.647.000 đồng; lãi trong hạn: 22.378.091 đồng. Trong trường hợp ông L và bà H không trả nợ cho Ngân

hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành số phát hành AN 279797, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 10363, do UBND thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh B cấp ngày 23/07/2009 do ông Võ Trọng L đứng tên quyền sử dụng để thu hồi nợ

Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 29/3/2022 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong "Hợp đồng tín dụng số LD1904200057" ngày 11/02/2019 và "Hợp đồng tín dụng số LD2004200209"ngày 11/02/2020 mà các bên đã ký kết cho đến khi ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H trả hết nợ.

Đối với bị đơn ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H : Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức tống đạt trực tiếp để yêu cầu ông L, bà H có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của Ngân hàng TMCP S (S) cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến việc thực hiện "Hợp đồng tín dụng số LD1904200057" ngày 11/02/2019 và "Hợp đồng tín dụng số LD2004200209"ngày 11/02/2020 thì tại bản tự khai gửi Tòa án ông L thừa nhận việc ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và dư nợ tính đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện. Ông L đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng xin được trả dần cho đến khi hết nợ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2021 bà Nguyễn Thị H thống nhất như ý kiến của ông L về việc ký kết hợp đồng và dư nợ còn lại cũng như đề xuất về phương thức thanh toán nợ. Ông L, bà H không cung cấp bất cứ chứng cứ gì khác. Ngày 25/01/2022, Tòa án triệu tập ông L và bà H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông L vắng mặt không có lý do, bà H có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông L tham gia phiên tòa vào ngày 15/3/2022 và ngày 31/3/2022 nhưng ông L vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/11/2021 thể hiện: Phần tài sản do ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H thế chấp cho Ngân hàng TMCP S (S), phòng giao dịch D thuộc thửa đất số 1874, tờ bản đồ số 4TDH thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành số phát hành AN 279797, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 10363, do UBND thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh B cấp ngày 23/07/2009 do ông Võ Trọng L đứng tên, tài sản tọa lạc tại khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B và tài sản gắn liền với đất là 03 căn nhà ở riêng lẻ và công trình phụ đúng như vị trí thửa đất và khối lượng tài sản do ông L, bà H đã thế chấp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị H chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn ông Võ Trọng L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S) đối với bị đơn ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố D nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Võ Trọng L để tham gia phiên tòa vào các ngày 15/3/2022 và ngày 31/3/2022 nhưng ông L vắng mặt không rõ lý do. Ngày 02/12/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt; ngày 25/01/2022 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S) nộp đơn từ chối hòa giải; ngày 28/3/2022 và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông L và bà H.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H mặc dù không cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng đều có lời khai xác nhận việc có ký kết các "Hợp đồng tín dụng số LD1904200057" ngày 11/02/2019 và "Hợp đồng tín dụng số LD2004200209"ngày 11/02/2020; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4256/TC ngày 28/02/2019 và dư nợ còn lại. Sự thừa nhận của ông L, bà H thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét "Hợp đồng tín dụng số LD1904200057" ngày 11/02/2019 và "Hợp đồng tín dụng số LD2004200209"ngày 11/02/2020 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP S (S) với ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Tại bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác nhận tính đến ngày 28/3/2022 thì ông L và bà H còn nợ số tiền 2.559.025.091 đ (hai tỷ năm trăm năm mươi chín triệu không trăm hai mươi lăm nghìn không trăm chín mươi mốt đồng) gồm: Nợ gốc: 2.536.647.000 đồng; lãi trong hạn: 22.378.091 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông L và bà H đều thừa nhận có nợ và đồng ý thanh toán dư nợ còn lại. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Việc thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả, phạt vi phạm giữa Ngân hàng với ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H theo "Hợp đồng tín dụng số LD1904200057" ngày 11/02/2019 và "Hợp đồng tín dụng số LD2004200209" ngày 11/02/2020 là phù hợp với Điều 91 Luật Các tổ chức Tín dụng, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự.

[5] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4256/TC ngày 28/02/2019 ngày 18/10/2017 giữa Ngân hàng TMCP S (S) với ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H được lập theo mẫu, có công chứng tại Văn phòng công chứng D và được đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D (nay là thành phố D), tài sản thế chấp là thửa đất số 1874, tờ bản đồ số 4TDH thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành số phát hành AN 279797, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 10363, do UBND thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh B cấp ngày 23/07/2009 do ông Võ Trọng L đứng tên là đúng quy định theo điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Điều 298, Điều 299 BLDS. Do đó, hợp đồng thế chấp được lập giữa

Ngân hàng TMCP S (S) với ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H là hợp pháp nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố D, tỉnh B về việc giải quyết vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 298, Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S) đối với bị đơn ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S (S) số tiền còn nợ tính đến ngày 28/3/2022 là 2.559.025.091 đ (hai tỷ năm trăm năm mươi chín triệu không trăm hai mươi lăm nghìn không trăm chín mươi mốt đồng) gồm: Nợ gốc: 2.536.647.000 đồng; lãi trong hạn: 22.378.091 đồng phát sinh từ "Hợp đồng tín dụng số LD1904200057" ngày 11/02/2019 và "Hợp đồng tín dụng số LD2004200209" ngày 11/02/2020.

Tiền lãi tính từ ngày 29/3/2022 trở đi và áp dụng trong giai đoạn thi hành án được tính trên dư nợ gốc thực tế theo lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H thanh toán hết các khoản nợ.

Trường hợp ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H không thanh toán thì Ngân hàng TMCP S (S) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1874, tờ bản đồ số 4TDH thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành số phát hành AN 279797, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 10363, do UBND thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh B cấp ngày 23/07/2009 do ông Võ Trọng L đứng tên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4256/TC ngày 28/02/2019 được công chứng tại Phòng công chứng D, tỉnh B để thu hồi nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Trọng L và bà Nguyễn Thị H phải chịu 83.120.500 (Tám mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S (S) 45.075.000 (Bốn mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003076 ngày 03/11/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố D.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố D;
- Lưu: VT, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thắm